

QUỐC HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghị quyết số: /2026/QH16

DỰ THẢO TRÌNH QUỐC HỘI

NGHỊ QUYẾT

Về cơ chế phối hợp, chính sách đặc thù nâng cao hiệu quả phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế

QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 65/2020/QH14 và Luật số 62/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15.

QUYẾT NGHỊ:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về cơ chế phối hợp, chính sách đặc thù, bảo đảm nguồn lực cho phòng ngừa, giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế; tổ chức và hoạt động của Trung tâm phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Tranh chấp đầu tư quốc tế là tranh chấp giữa nhà đầu tư nước ngoài và Nhà nước, Chính phủ hoặc cơ quan nhà nước, tổ chức của Việt Nam được cơ quan nhà nước ủy quyền thực hiện chức năng quản lý nhà nước (sau đây gọi chung là cơ quan nhà nước Việt Nam) tại cơ quan tài phán trong nước, nước ngoài hoặc quốc tế theo một trong các trường hợp sau:

a) Hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư, hiệp định thương mại hoặc điều ước quốc tế khác có quy định về bảo hộ đầu tư mà Việt Nam là thành viên (sau đây gọi chung là hiệp định đầu tư), trong đó có quy định về việc giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư nước ngoài và cơ quan nhà nước Việt Nam;

b) Hợp đồng, thỏa thuận giữa cơ quan nhà nước Việt Nam và nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc có đa số thành viên hợp danh là cá nhân nước ngoài đối với tổ chức kinh tế là công ty hợp danh (nhà đầu tư nước ngoài).

2. Cơ quan chủ trì giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế (Cơ quan chủ trì) là cơ quan trực tiếp có biện pháp bị đe dọa kiện hoặc bị kiện và được xác định theo quy định tại Điều 11 của Nghị quyết này.

3. Cơ quan đại diện pháp lý cho Nhà nước Việt Nam (Cơ quan đại diện pháp lý) trong giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế là Bộ Tư pháp.

4. Biện pháp bị kiện là việc làm, quyết định hoặc hành vi của cán bộ, công chức, cơ quan nhà nước Việt Nam liên quan đến hoạt động đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài trên lãnh thổ Việt Nam và nhà đầu tư nước ngoài cho rằng vi phạm hiệp định đầu tư, hợp đồng, thỏa thuận.

5. Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan là cơ quan nhà nước Việt Nam, tổ chức, cá nhân có liên quan tới việc phòng ngừa, giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế và được Cơ quan chủ trì hoặc Cơ quan đại diện pháp lý mời hoặc yêu cầu tham gia phòng ngừa, giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế.

6. Tổ công tác liên ngành là Tổ công tác do Cơ quan chủ trì thành lập, gồm đại diện các cơ quan, tổ chức liên quan đến tranh chấp, có nhiệm vụ tư vấn cho Cơ quan chủ trì trong quá trình giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế.

7. Chuyên gia là người có kiến thức chuyên môn, kỹ thuật hoặc kinh nghiệm đối với các vấn đề liên quan được Cơ quan chủ trì mời tham gia giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế.

8. Người làm chứng là người biết về các tình tiết liên quan đến vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế và được Cơ quan chủ trì yêu cầu tham gia vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế.

Điều 4. Nguyên tắc phối hợp trong phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế

1. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; bảo đảm lợi ích quốc gia, dân tộc.

2. Bảo đảm sự chỉ đạo thống nhất của cơ quan có thẩm quyền và sự phối

hợp kịp thời, đầy đủ, hiệu quả của các cơ quan nhà nước và cơ quan, tổ chức liên quan trong phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế.

3. Người đứng đầu cơ quan nhà nước, tổ chức có trách nhiệm chủ động tổ chức các biện pháp phòng ngừa và kịp thời xử lý rủi ro phát sinh liên quan đến tranh chấp đầu tư quốc tế; chịu trách nhiệm khi có việc làm, quyết định hoặc hành vi là nguyên nhân gây ra vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế và bị cơ quan tài phán nước ngoài, trong nước hoặc quốc tế có thẩm quyền tuyên vi phạm hiệp định đầu tư, hợp đồng hoặc thỏa thuận.

4. Cơ quan chủ trì có trách nhiệm kịp thời tổ chức, phối hợp với Cơ quan đại diện pháp lý và cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế được giao; chịu trách nhiệm trong trường hợp chậm trễ gây thiệt hại cho cơ quan nhà nước Việt Nam.

5. Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ và kịp thời với Cơ quan chủ trì và Cơ quan đại diện pháp lý trong quá trình giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế; chịu trách nhiệm về hậu quả phát sinh do không phối hợp hoặc phối hợp không đúng theo quy định của pháp luật về phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế.

6. Thông tin, tài liệu liên quan đến quá trình xử lý, giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế được quản lý theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước trừ các trường hợp quy định tại Điều 12 và Điều 13 của Nghị quyết này.

Điều 5. Áp dụng pháp luật

1. Trường hợp có quy định khác nhau giữa Nghị quyết này với các luật, nghị quyết khác của Quốc hội về cùng một vấn đề thì thực hiện theo quy định tại Nghị quyết này.

2. Văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành các nội dung của Nghị quyết này được áp dụng trong trường hợp có nhiều văn bản quy phạm pháp luật có quy định khác nhau về cùng một vấn đề.

3. Trường hợp luật, nghị quyết của Quốc hội ban hành sau ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành có quy định về chế độ, chính sách khác với quy định của Nghị quyết này thì được áp dụng chế độ, chính sách ưu đãi hơn cho công tác phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế.

Chương II

PHỐI HỢP PHÒNG NGỪA

TRANH CHẤP ĐẦU TƯ QUỐC TẾ

Điều 6. Nội dung phối hợp phòng ngừa tranh chấp đầu tư quốc tế

1. Phối hợp trong công tác tham mưu, đề xuất và ban hành chính sách, pháp luật, ký và chấp nhận các cam kết quốc tế, xúc tiến, thu hút đầu tư nước ngoài.

2. Phối hợp trong giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại của nhà đầu tư nước ngoài phù hợp với pháp luật và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

3. Tuyên truyền, phổ biến kiến thức và nâng cao năng lực của cán bộ, công chức, viên chức trong phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế.

Điều 7. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức trong tham mưu xây dựng chính sách, pháp luật, ký và chấp nhận các cam kết quốc tế, thu hút đầu tư nước ngoài

1. Rà soát, đánh giá pháp luật Việt Nam về đầu tư; phát hiện và đề xuất xử lý các quy định pháp luật mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp.

2. Rà soát, đánh giá việc đàm phán, ký và thực hiện các hiệp định đầu tư, hợp đồng, thỏa thuận giữa cơ quan nhà nước Việt Nam và nhà đầu tư nước ngoài; đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện, sửa đổi, bổ sung, chấm dứt hiệu lực các hiệp định đầu tư không còn phù hợp với Việt Nam; xử lý kịp thời các vướng mắc, khó khăn, đặc biệt là các nguyên nhân cản trở việc thực hiện các hiệp định đầu tư, hợp đồng, thỏa thuận giữa cơ quan nhà nước Việt Nam và nhà đầu tư nước ngoài.

3. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương kiểm tra, kịp thời xử lý vi phạm trong hoạt động đầu tư nước ngoài tại địa phương.

4. Chính phủ quy định cơ chế đảm bảo công tác thu hút đầu tư nước ngoài hiệu quả, ổn định, giảm thiểu rủi ro phát sinh tranh chấp từ giai đoạn đăng ký đầu tư.

Điều 8. Trách nhiệm phối hợp của cơ quan, tổ chức trong giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại của nhà đầu tư nước ngoài

1. Phản ánh, kiến nghị, khiếu nại của nhà đầu tư nước ngoài được tiếp nhận trực tiếp tại các cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật về giải quyết khiếu nại, tố cáo và thông qua Cổng thông tin quốc gia về đầu tư.

2. Cơ quan nhà nước nhận được phản ánh, kiến nghị, khiếu nại của nhà đầu tư nước ngoài theo quy định tại khoản 1 Điều này mà không có thẩm quyền giải quyết phải thông báo bằng văn bản kèm theo bản sao toàn bộ thông tin, tài liệu đã nhận đến cơ quan có thẩm quyền, Cơ quan quản lý Cổng thông tin quốc gia về đầu tư và Cơ quan đại diện pháp lý trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày

nhận được thông báo đó.

3. Cơ quan quản lý Công thông tin quốc gia về đầu tư có trách nhiệm chủ động phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc phân loại, xem xét và giải quyết kịp thời, đúng thẩm quyền các phản ánh, kiến nghị, khiếu nại của nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật.

4. Cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm xem xét, giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại của nhà đầu tư nước ngoài kịp thời, thống nhất, đúng thẩm quyền, phù hợp với pháp luật và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, hướng tới phòng ngừa, hạn chế nguy cơ phát sinh tranh chấp đầu tư quốc tế. Các cơ quan, tổ chức có liên quan có trách nhiệm phối hợp, cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, tài liệu, ý kiến chuyên môn và tham gia vào việc thương lượng, tham vấn theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại của nhà đầu tư nước ngoài.

5. Trong trường hợp cần thiết, cơ quan chủ trì giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại của nhà đầu tư nước ngoài thuê luật sư tư vấn trong quá trình giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại.

6. Trên cơ sở đề xuất của Cơ quan chủ trì giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại của nhà đầu tư nước ngoài và các cơ quan liên quan, Trung tâm phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế cung cấp dịch vụ tư vấn, hỗ trợ.

7. Cơ quan chủ trì giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại của nhà đầu tư nước ngoài thông báo tới Cơ quan đại diện pháp lý khi có khả năng phát sinh vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế; biện pháp nhà đầu tư nước ngoài phản ánh, kiến nghị, khiếu nại có dấu hiệu vi phạm quy định của pháp luật, hiệp định đầu tư hoặc cam kết khác với nhà đầu tư nước ngoài.

8. Chính phủ quy định cơ chế cảnh báo sớm, đánh giá nguy cơ phát sinh tranh chấp đầu tư quốc tế dựa trên rủi ro và cơ chế phối hợp của cơ quan, tổ chức trong giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại của nhà đầu tư nước ngoài.

Điều 9. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong tuyên truyền, phổ biến kiến thức và nâng cao năng lực về phòng ngừa và giải quyết tranh chấp

1. Bộ, cơ quan ngang bộ, ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức cho cán bộ, công chức, viên chức của các bộ, ngành, địa phương về pháp luật thương mại, đầu tư quốc tế; phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế.

2. Cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư, Cơ quan đại diện pháp lý có trách nhiệm tổ chức bồi dưỡng, tăng cường năng lực cho cán bộ, công chức, viên chức của các cơ quan nhà nước Việt Nam về phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu

tư quốc tế.

Chương III
PHỐI HỢP GIẢI QUYẾT
TRANH CHẤP ĐẦU TƯ QUỐC TẾ

Điều 10. Nội dung phối hợp giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế

1. Xác định Cơ quan chủ trì.
2. Phân định trách nhiệm của Cơ quan chủ trì, Cơ quan đại diện pháp lý và các cơ quan, tổ chức khác trong quá trình giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế.
3. Xây dựng chiến lược và tổ chức giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế.
4. Xây dựng phương án và tổ chức hòa giải vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế.
5. Chính phủ quy định cơ chế phối hợp trong giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế.

Điều 11. Xác định Cơ quan chủ trì

1. Cơ quan chủ trì là cơ quan trực tiếp có hoặc cơ quan chủ trì đề xuất biện pháp bị đe dọa kiện hoặc bị kiện. Cơ quan chủ trì có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với Cơ quan đại diện pháp lý trong quá trình giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế.

2. Trường hợp vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế có các biện pháp bị kiện của hai hoặc nhiều cơ quan, các cơ quan này thống nhất Cơ quan chủ trì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo ý định khởi kiện hoặc thông báo trọng tài.

3. Trường hợp không thống nhất được Cơ quan chủ trì, cơ quan nhận được thông báo ý định khởi kiện hoặc thông báo trọng tài thông báo cho Cơ quan đại diện pháp lý báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Điều 12. Trách nhiệm của Cơ quan chủ trì

Cơ quan chủ trì là cơ quan đầu mối thực hiện việc quản lý, điều phối và chịu trách nhiệm toàn diện đối với vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế, cụ thể như sau:

1. Tiếp nhận, xử lý các thông tin, tài liệu liên quan đến đề nghị thương lượng, tham vấn và khởi kiện của nhà đầu tư nước ngoài.
2. Chủ trì tổ chức thương lượng, tham vấn với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của hiệp định đầu tư tương ứng hoặc cam kết khác với nhà đầu tư nước ngoài.

3. Làm đầu mối liên lạc, trao đổi với nhà đầu tư nước ngoài khởi kiện và với cơ quan tài phán trong nước, nước ngoài hoặc quốc tế trong giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế.

4. Quyết định thành lập và hoạt động của Tổ công tác liên ngành.

5. Chủ trì, phối hợp với Cơ quan đại diện pháp lý và cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan trong quá trình giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế, bao gồm: xây dựng chiến lược, lộ trình giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế; chỉ định trọng tài viên; mời người làm chứng, thuê chuyên gia và đề nghị các tổ chức, cá nhân, liên quan tham gia vào giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế.

6. Chủ trì xây dựng, quyết định tiêu chí, quy trình lựa chọn tổ chức hành nghề luật sư (sau đây gọi chung là luật sư) đại diện cho Cơ quan nhà nước Việt Nam trong giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế và đàm phán, ký kết, quản lý hợp đồng dịch vụ pháp lý với luật sư theo mức phí của thị trường.

7. Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu Cơ quan chủ trì, sau khi lấy ý kiến của cơ quan phát hành tài liệu thuộc Danh mục bí mật nhà nước, có thẩm quyền cho phép:

a) Soạn thảo, sao, gửi nhận tài liệu thuộc Danh mục bí mật nhà nước qua thiết bị kết nối mạng để phục vụ giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế;

b) Chuyển giao tài liệu thuộc Danh mục bí mật nhà nước cho tổ chức, cá nhân nước ngoài để phục vụ giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế;

c) Tổ chức hội nghị, hội thảo, cuộc họp có nội dung liên quan đến bí mật nhà nước để phục vụ giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế.

8. Tham gia phiên xét xử của cơ quan tài phán trong nước, nước ngoài hoặc quốc tế.

9. Thông tin tới Cơ quan đại diện pháp lý, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về tình hình, tiến độ, khó khăn, vướng mắc và kiến nghị giải pháp trong giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế.

10. Chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan thực hiện phán quyết, quyết định của cơ quan tài phán trong nước, nước ngoài hoặc quốc tế.

11. Trong trường hợp vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế có biện pháp bị kiện liên quan tới các cơ quan ngoài Chính phủ hoặc trong trường hợp có giá trị lớn, ảnh hưởng đến quan hệ đối ngoại, an ninh, quốc phòng, Cơ quan chủ trì đề xuất Thủ tướng Chính phủ thành lập Ban chỉ đạo liên ngành về giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế, có thành phần đại diện lãnh đạo của các cơ quan ngoài Chính phủ. Cơ quan chủ trì là cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo liên ngành về

giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế.

Điều 13. Trách nhiệm của Cơ quan đại diện pháp lý

1. Xây dựng, giới thiệu, cập nhật danh sách các chuyên gia pháp lý có thể làm trọng tài viên và danh sách tổ chức hành nghề luật sư có thể làm luật sư cho cơ quan nhà nước trong giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế.

2. Đào tạo, tăng cường năng lực cho cán bộ, công chức của các cơ quan trung ương và địa phương về phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế.

3. Phối hợp, hỗ trợ, tư vấn cho Cơ quan chủ trì khi được yêu cầu đối với các công việc sau đây:

a) Đánh giá các vấn đề pháp lý liên quan đến giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế;

b) Thuê luật sư, chỉ định trọng tài viên;

c) Xây dựng, thực hiện chiến lược, lộ trình, các bước giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế cụ thể;

d) Tham gia phiên xét xử của cơ quan tài phán trong nước, nước ngoài hoặc quốc tế;

đ) Cử đại diện tham gia Tổ công tác liên ngành;

e) Thực hiện phán quyết, quyết định của cơ quan tài phán trong nước, nước ngoài hoặc quốc tế.

4. Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu Cơ quan đại diện pháp lý, sau khi lấy ý kiến của cơ quan phát hành tài liệu thuộc Danh mục bí mật nhà nước, có thẩm quyền cho phép:

a) Soạn thảo, sao, gửi nhận tài liệu thuộc Danh mục bí mật nhà nước qua thiết bị kết nối mạng để phục vụ giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế;

b) Chuyển giao tài liệu thuộc Danh mục bí mật nhà nước cho tổ chức, cá nhân nước ngoài để phục vụ giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế;

c) Tổ chức hội nghị, hội thảo, cuộc họp có nội dung liên quan đến bí mật nhà nước để phục vụ giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế.

Điều 14. Trách nhiệm của cơ quan phối hợp

1. Cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ, thống nhất và kịp thời với Cơ quan chủ trì và Cơ quan đại diện pháp lý trong quá trình giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế, bảo đảm tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt

Nam là thành viên.

2. Cơ quan nhà nước, các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, chính xác và đúng thời hạn thông tin, tài liệu, cử người phối hợp (bao gồm cử người làm chứng, chuyên gia) và các nội dung khác theo yêu cầu của Cơ quan chủ trì và Cơ quan đại diện pháp lý.

3. Người đứng đầu cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm toàn diện trong việc phối hợp giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế với Cơ quan chủ trì và Cơ quan đại diện pháp lý.

Điều 15. Hòa giải

1. Trong quá trình giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại của nhà đầu tư nước ngoài hoặc trong quá trình giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế, trên cơ sở diễn biến cụ thể, cơ quan chủ trì giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại của nhà đầu tư nước ngoài hoặc Cơ quan chủ trì giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế nghiên cứu, đánh giá khả năng và xây dựng phương án hòa giải, báo cáo Thủ tướng Chính phủ hoặc Ban chỉ đạo liên ngành về giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế xem xét, phê duyệt.

2. Việc hòa giải phải nhằm giải quyết dứt điểm phản ánh, kiến nghị, khiếu nại của nhà đầu tư nước ngoài hoặc vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế, đảm bảo quyền và lợi ích của Việt Nam.

3. Trong trường hợp cần thiết, cơ quan chủ trì giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại của nhà đầu tư nước ngoài hoặc Cơ quan chủ trì giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế quyết định việc thuê tư vấn độc lập để xây dựng phương án hòa giải.

4. Trong trường hợp phương án hòa giải được phê duyệt theo khoản 1 Điều này, cơ quan chủ trì giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại của nhà đầu tư nước ngoài hoặc Cơ quan chủ trì giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế phối hợp với Tổ công tác liên ngành, cơ quan, tổ chức liên quan, luật sư và hòa giải viên (nếu có) tiến hành hòa giải theo đúng phương án đã được phê duyệt, đảm bảo nội dung Thỏa thuận hòa giải yêu cầu nhà đầu tư nước ngoài từ bỏ toàn bộ quyền khởi kiện phát sinh từ vụ việc tranh chấp được hòa giải.

5. Thủ trưởng cơ quan chủ trì giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại của nhà đầu tư nước ngoài hoặc Cơ quan chủ trì giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế chịu trách nhiệm toàn diện trong việc xây dựng và thực hiện phương án hòa giải.

6. Người tham gia xây dựng phương án và thực hiện hòa giải vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế đúng quy trình, dựa trên ý kiến tư vấn pháp lý độc lập và được

cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án hòa giải được miễn trừ trách nhiệm cá nhân theo quy định của pháp luật cán bộ, công chức và của cấp có thẩm quyền.

Chương IV

TRUNG TÂM PHÒNG NGỪA VÀ GIẢI QUYẾT

TRANH CHẤP ĐẦU TƯ QUỐC TẾ

Điều 16. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trung tâm phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế

1. Tư vấn, hỗ trợ Cơ quan đại diện pháp lý trong giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế và được tiếp cận các tài liệu liên quan.
2. Tư vấn, hỗ trợ Cơ quan chủ trì, Cơ quan đại diện pháp lý đánh giá vụ việc, tiến hành các thủ tục giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế.
3. Hướng dẫn, tư vấn, hỗ trợ cho các bộ, ngành, địa phương trong phòng ngừa tranh chấp quốc tế.
4. Hướng dẫn, tập huấn nghiệp vụ về phòng ngừa, giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế cho các bộ, ngành, địa phương.
5. Xây dựng cơ sở dữ liệu về tranh chấp đầu tư quốc tế tại Việt Nam phục vụ cho việc phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế.
6. Thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế, tham gia các diễn đàn quốc tế về phòng ngừa, giải quyết tranh chấp quốc tế.
7. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trong công tác hoàn thiện thể chế, pháp luật trong nước và pháp luật quốc tế liên quan đến phòng ngừa, giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế.
8. Cung cấp dịch vụ tư vấn, hỗ trợ pháp lý cho tổ chức, doanh nghiệp trong phòng ngừa, giải quyết tranh chấp quốc tế.
9. Tham gia tranh tụng tại cơ quan tài phán trong nước, nước ngoài hoặc quốc tế.
10. Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định cử người làm việc tại Trung tâm tham gia trực tiếp vào giải quyết các vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế.

Điều 17. Cơ chế hoạt động của Trung tâm phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế

1. Trung tâm được ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên. Trường hợp nguồn thu từ việc cung cấp dịch vụ theo khoản 8 Điều 16 Nghị quyết này đảm bảo chi thường xuyên, Chính phủ quyết định về cơ chế tài chính của Trung

tâm theo quy định của pháp luật.

2. Nguồn thu của Trung tâm

- a) Kinh phí do ngân sách nhà nước đảm bảo;
- b) Nguồn thu từ việc cung cấp dịch vụ theo quy định tại khoản 8 Điều 16 Nghị quyết này;
- c) Nguồn viện trợ, tài trợ theo quy định của pháp luật.

2. Về nhiệm vụ chi của Trung tâm

a) Trung tâm được áp dụng cơ chế, chính sách đặc biệt theo quy định tại Điều 5, Điều 8, Điều 9, Điều 10 Nghị quyết số 197/2025/QH15 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật.

b) Trung tâm được mua sắm cơ sở vật chất, trang thiết bị, hỗ trợ về công nghệ và chuyển đổi số theo nhu cầu của công tác phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế.

c) Trung tâm được mua sắm trực tiếp cơ sở dữ liệu trong nước và nước ngoài phục vụ phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế.

d) Căn cứ nhu cầu sử dụng, nhiệm vụ và mục tiêu hoạt động, Trung tâm ký hợp đồng lao động với các chuyên gia pháp lý uy tín trong nước và quốc tế để làm việc tại Trung tâm với mức lương theo cơ chế thỏa thuận. Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định mức lương, nội dung thỏa thuận trong hợp đồng lao động với các chuyên gia, tương xứng với nhiệm vụ được giao và phù hợp với mặt bằng tiền lương trong lĩnh vực giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế trên thị trường lao động, nhưng không quá 100 lần mức lương cơ sở.

đ) Người đứng đầu Trung tâm, căn cứ nhu cầu công việc, quyết định ký kết hợp đồng lao động để thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ tại Trung tâm; mức tiền lương và tiền thưởng theo cơ chế thỏa thuận trên cơ sở yêu cầu công việc, năng lực, đóng góp và kết quả thực hiện nhiệm vụ của người lao động.

Điều 18. Chế độ, chính sách đối với người lao động của Trung tâm

1. Viên chức của Trung tâm có vị trí việc làm phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế, công chức được điều động đến làm việc tại Trung tâm được hưởng chế độ, chính sách như sau:

a) Được hưởng mức lương theo ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức; phụ cấp chức vụ lãnh đạo (nếu có) và các khoản phụ cấp lương đối với công chức hành chính; đồng thời được hưởng phụ cấp tăng thêm hàng tháng bằng

100% mức lương hiện hưởng của ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức.

Trong thời gian trực tiếp tham gia giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định tại khoản 10 Điều 16 Nghị quyết này, được hưởng phụ cấp tăng thêm hàng tháng không quá 300% mức lương hiện hưởng của ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức. Phụ cấp này không dùng để tính đóng, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.

b) Được đầu tư trang thiết bị, phương tiện làm việc để triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ được giao. Trường hợp cần thiết được đầu tư nguồn lực và các trang thiết bị đặc biệt để thực hiện các nội dung của chương trình, đề án, đề tài, công trình nghiên cứu khoa học đã được cấp có thẩm quyền đánh giá là khả thi, đề nghị áp dụng trong thực tiễn.

c) Được xem xét cử tham gia các hội thảo, lớp tập huấn trong nước và quốc tế hoặc các chương trình đào tạo, bồi dưỡng kiến thức ngắn hạn tối đa 01 năm, các khóa học cấp chứng chỉ quốc tế chuyên sâu trong nước và quốc tế liên quan đến lĩnh vực công tác, nhiệm vụ được giao và định hướng phát triển.

2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Chương V

BẢO ĐẢM NGUỒN LỰC CHO

PHÒNG NGỪA, GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP ĐẦU TƯ QUỐC TẾ

Điều 19. Ngân sách phục vụ công tác phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế

1. Ngân sách phục vụ công tác phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế được bảo đảm từ ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác, cụ thể:

a) Trường hợp Cơ quan chủ trì là cơ quan nhà nước ở Trung ương, ngân sách phục vụ phòng ngừa và giải quyết vụ tranh chấp đầu tư quốc tế được ngân sách trung ương đảm bảo.

b) Trường hợp Cơ quan chủ trì là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, ngân sách phục vụ phòng ngừa và giải quyết vụ tranh chấp đầu tư quốc tế được ngân sách địa phương đảm bảo theo quy định của pháp luật về ngân sách.

c) Tổ chức được cơ quan nhà nước ủy quyền thực hiện chức năng quản lý nhà nước tự đảm bảo kinh phí phục vụ phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế.

2. Các cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ chủ trì phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế có trách nhiệm lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí theo quy định của Nghị quyết này và quy định pháp luật có liên quan.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 20. Chế độ, chính sách cho người làm công tác phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế

1. Người có vị trí việc làm về phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế tại các bộ, ngành, địa phương được hưởng mức lương theo ngạch công chức; phụ cấp chức vụ lãnh đạo (nếu có) và các khoản phụ cấp lương đối với công chức hành chính; đồng thời được hưởng phụ cấp tăng thêm hằng tháng bằng 100% mức lương hiện hưởng của ngạch công chức. Phụ cấp này không dùng để tính đóng, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.

2. Người không có vị trí việc làm về phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế được giao chủ trì giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế hoặc người tham gia Tổ công tác liên ngành được hưởng mức lương theo ngạch công chức; phụ cấp chức vụ lãnh đạo (nếu có) và các khoản phụ cấp lương đối với công chức hành chính; đồng thời được hưởng phụ cấp tăng thêm hằng tháng bằng 100% mức lương hiện hưởng của ngạch công chức trong thời gian trực tiếp tham gia giải quyết vụ việc theo quyết định của Cơ quan chủ trì. Phụ cấp này không dùng để tính đóng, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.

3. Người trực tiếp làm công tác phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế tại các bộ, ngành, địa phương được hưởng chế độ bồi dưỡng, hỗ trợ đào tạo, nâng cao năng lực và các chế độ ưu tiên khác theo quy định của Chính phủ; được bảo đảm điều kiện làm việc, tiếp cận thông tin theo yêu cầu của công việc.

4. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị; công chức, viên chức, người tham gia xây dựng, ban hành, thi hành Nghị quyết này, văn bản quy định chi tiết, biện pháp tổ chức thực hiện các cơ chế, chính sách được phân quyền theo Nghị quyết này và người trực tiếp làm công tác phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế tại các bộ, ngành, địa phương được loại trừ, miễn trách nhiệm pháp lý trong trường hợp đã tuân thủ đầy đủ các quy trình, quy định liên quan và không vụ lợi trong quá trình thực hiện nhiệm vụ nhưng vẫn xảy ra thiệt hại; được ưu tiên quy hoạch, biệt phái, điều động, luân chuyển giữa các Bộ, ngành, địa phương; được rút ngắn thời gian xét nâng lương (không bị tính vào tỉ lệ giới hạn công chức, viên chức được nâng bậc lương trước thời hạn) hoặc bố trí vào vị trí lãnh đạo, quản lý trên cơ sở kết quả đánh giá năng lực, thành tích làm việc.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 21. Tổ chức thực hiện

1. Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan khác ở trung ương và địa phương, cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân liên quan đến công tác phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

2. Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan khác ở trung ương và địa phương bố trí nhân sự phù hợp để đảm bảo thực hiện công tác phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế.

3. Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

4. Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định việc thành lập Trung tâm phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế.

Điều 22. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2026.

2. Việc giải quyết các tranh chấp đầu tư quốc tế phát sinh trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành mà chưa có phán quyết chung thẩm của cơ quan tài phán thì được thực hiện theo các quy định của Nghị quyết này.

3. Cơ quan nhà nước, tổ chức được cơ quan nhà nước ủy quyền thực hiện chức năng quản lý nhà nước, doanh nghiệp nhà nước được áp dụng Điều 20 Nghị quyết này trong quá trình phòng ngừa, giải quyết các tranh chấp quốc tế mà Nhà nước, Chính phủ, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nhà nước Việt Nam là Bị đơn.

Nghị quyết này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XVI, Kỳ họp thứ thông qua ngày tháng năm 2026.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI